TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-PT
Ngày: 27/7/2020
V/v Tranh chấp HĐ kinh tế.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh th- ơng mại thụ lý số 09/2019/TLPT- KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng kinh tế.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2020/QĐPT- KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty CP CĐLK kim Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ

Địa chỉ: Tổ 31, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Huy Q – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Mai Ngọc Gi, sinh năm 1971 (có mặt)

Trú tại: Tổ 17, phường HS, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn*:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1975 - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân NH (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, phường HVT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Người làm chứng: Công ty TNHH CH và LM P69 - 165C – XT – CG– Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện viết ngày 01/8/2016, bản tự khai và các bản khai bổ sung và biên bản lấy lời khai của ông Mai Ngọc Gi là người đại diên theo ủy quyền của Công ty cổ phần CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Năm 2013 Doanh nghiệp tư nhân NH (gọi tắt là bên A) đã ký kết hợp đồng kinh tế số 06/XNCĐ-KC/2013 ngày 01/02/2013 với Xí nghiệp CĐ trực thuộc Công ty cổ phần CĐLK Thái Nguyên (gọi tắt là B). Theo đó bên A thuê bên B chế tạo, lắp đặt mương gió tầng hầm B1 tòa nhà Times city – Số 458, MK, quận HBT, Hà Nội với giá trị tạm tính 1.564.200.000đồng. Nội dung của hợp đồng có các điều khoản quy định rõ trách nhiệm của mỗi bên, quy định về phương thức thanh toán.

Đến tháng 6/2013 công trình được thi công xong, hai bên có biên bản nghiệm thu. Ngày 18/8/2013 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng, nội dung của biên bản thanh lý thể hiện như sau: Giá trị thực tế của hợp đồng là 1.247.083.200 đồng, Bên B bảo hành công trình trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bên A ký biên bản bàn giao công trình. Bên A thanh toán cho B số tiền 1.247.083.200 đồng. Trong đó bên A đã tạm ứng 490.000.000đồng, tạm giữ tiền bảo hành: 62.354.160đồng; số tiền còn lại: 694.729.040đồng thanh toán hết cho Xí nghiệp CĐ, hình thức thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng. Hợp đồng số 06/XNCĐ-KC/2013 ký ngày 01/02/2013 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thanh lý và đến khi bên A thanh toán hết tiền cho bên B.

Tuy nhiên bên A không thực hiện đúng cam kết. Xí nghiệp CĐ đòi rất nhiều lần nhưng ông H giám đốc DNTN NH khất lần, buộc Xí nghiệp phải khởi kiện đến Tòa. Nay Xí nghiệp CĐ yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quốc H Giám đốc DNTN NH có trách nhiệm thanh toán trả cho Xí nghiệp CĐ số tiền còn nợ là 339.452.200đồng nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.(Sau khi có đơn khởi kiện NH đã trả thêm được 65.000.000đồng (369.452.200đồng - 65.000.000đồng) nay còn lại là 339.452.200đồng).

Phía bị đơn trình bày: Doanh nghiệp tư nhân NG ký hợp đồng chế tạo, lắp đặt mương gió cho tầng hầm B1 tòa nhà Times City – Số 458, MK, quận HBT, Hà Nội với Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ. Theo đó hai bên đã ký hợp đồng số 06/XNCĐ-KC/2013 ngày 01/02/2013 với tổng số tiền dự toán là 1.564.200.000đồng, quá trình thi công DNTN NH đã tạm ứng cho Xí nghiệp CĐ.

Hiện nay, DNTN NH còn nợ chưa thanh toán hết cho Xí nghiệp CĐ với lý do quá trình thi công DNTN NHH đã nộp phạt thay cho Xí nghiệp CĐ một số khoản tiền phạt do vi phạm an toàn lao động, các hóa đơn chứng từ nộp phạt do Công ty TNHH CK và LM P69 đang lưu giữ, nên số dư nợ còn lại đến nay DNTN NH vẫn chưa kiểm tra được số chính xác là bao nhiêu? Tuy nhiên DNTN NH sẽ trả cho Xí nghiệp Cơ điện sau khi Xí CĐ thực hiện xong các nghĩa vụ của đơn vị đối với DNTN NH đó là:

- Hoàn trả lại số tiền mà DNTN NH đã chi trả bằng tiền mặt để khớp chứng từ hóa đơn;

- Trả DNTN NH tiền thuê hộ máy hàn;

- Trả tiền cho DNTN NH đã nộp phạt thay cho Xí nghiệp CĐ tiền thiệt hại làm cháy bảo ôn, dây điện trong tầng hầm;

- Trả tiền điện vì DNTN NH đã nộp thay cho Xí nghiệp CĐ;

- Trả tiền do làm mất vật tư khi DNTN NH đã giao để Xí nghiệp Đ thi công.

Tổng số tiền NH đã trả thay cho Xí nghiệp CĐ là 174.872.327 đồng (BL 74).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ do ông Mai Ngọc Gi là người đại diện theo ủy quyền đề nghị Tòa án buộc DNTN NH phải trả cho Xí nghiệp CĐ số tiền còn nợ gốc là 339.452.200đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn đã trả thừa cho nguyên đơn số tiền nợ gốc.

NH đã nộp các khoản tiền phạt thay Xí nghiệp CĐ gồm: Mua bạt bọc bảo ôn; Thuê nhân công bọc bảo ôn mương gió; Khấu trừ tiền điện, tiền vệ sinh; Khấu trừ tiền mất vật tư; Khấu trừ chất lượng thi công công trình. Tổng là 174.872.327 đồng. Nay buộc Xí nghiệp CĐ phải trả lại cho NH.

Với nội dung nêu trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều ; 146; 271; 272 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 351; 385; 398; 399; 400; 401 Bộ luật dân sự năm 2015;Điều 50; Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;khoản 4 Điều 18; khoản 4 Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án và mục 3 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần CĐLK Thái nguyên – Xí nghiệp CĐ đối với DNTN NH về Hợp đồng kinh tế số 06/XNCĐ-KC/2013 ký ngày 01/02/2013 về việc chế tạo và lắp đặt mương gió.

2. Buộc DNTN NH phải thanh toán trả cho Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ số tiền 456.987.524đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 339.452.200 đồng; Lãi là 117.535.324 đồng theo hợp đồng kinh tế số 06/XNCĐ-KC/2013 ký ngày 01/02/2013.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành chưa trả tiền thì còn phải chịu phạt do chậm trả, số tiền phạt chậm trả bằng số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay.

3. Về án phí:

- □p dụng khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh về án lệ phí: Buộc DNTN NH phải nộp 23.893.546đồng. (Hai mươi ba triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nớc.

- □p dụng khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về chế độ án phí, lệ phí: Hoàn trả cho Xí nghiệp CĐ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001632 ngày 22/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TN.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2019 ông Nguyễn Quốc H làm đơn kháng cáo không nhất trí với bản án với các lý do: Bản án quyết định buộc doanh nghiệp tư nhân NH thanh toán trả cho Công ty Cổ phần CĐLK Thái nguyên – Xí nghiệp CĐ số tiền nợ gốc là 339.452.200 đồng; Lãi là 117.535.324 đồng theo hợp đồng kinh tế số 06/XNCĐ-KC/2013 ký ngày 01/02/2013 là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các khoản bên A phải nộp thay cho bên B như tiền điện, tiền vệ sinh, tiền vật tư bị mất, do chất lượng thi công, khắc phục sự cố cháy mương gió, khoản tiền bị phạt trong quá trình thi công chưa được xem xét.

Cách tính lãi không đúng do tiền gốc đã bị giảm do bên A đã thanh toán đã tạm ứng đã chuyển khoản nhưng chưa được trừ đi dẫn đến việc tính lãi sai.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Hưng đã thanh toán cho Công ty Cổ phần CĐLK Thái nguyên số tiền 1.247.455.427đồng theo hợp đồng kinh tế số 06/XNCĐ-KC/2013 ký ngày 01/02/2013 trả thừa 372.227 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự đã tự đối chiếu lại toàn bộ công nợ và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Doanh nghiệp tư nhân NH có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ số tiền 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không bị ai ép buộc và phù hợp pháp luật. Do vậy cần sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí: Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp tư nhân NH có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ số tiền là 130.000.000đ, bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu đồng chẵn (đã thanh toán xong).

2. Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty CP CĐLK Thái Nguyên – Xí nghiệp CĐ tự nguyện chịu 6.500.000đ (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước và được trả lại 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0001632 ngày 22/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Doanh nghiệp tư nhân NHkhông phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được trả lại 300.000đ tạm ứng áp phí đã nộp theo biên bai thu số 0002253 ngày 14/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. TN;
- THADS TP TN;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Liên